

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48/2005/QH11

----- oOo -----

Hà Nội, Ngày 29 tháng 11 năm 2005

LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Luật này quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên thiên nhiên.

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước, lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên thiên nhiên.

2. Công dân và tổ chức không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tiết kiệm* là việc giảm bớt hao phí trong sử dụng tiền, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên thiên nhiên nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định. Đối với việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên thiên nhiên ở những lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì

tiết kiệm là việc sử dụng ở mức thấp hơn định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định hoặc sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng đạt cao hơn mục tiêu đã định.

2. *Lãng phí* là việc quản lý, sử dụng tiền, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên thiên nhiên không hiệu quả. Đối với lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì lãng phí là việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên thiên nhiên vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc không đạt mục tiêu đã định.

3. *Tài sản nhà nước* là tài sản hình thành từ ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, thuộc sở hữu, quản lý của Nhà nước, bao gồm nhà, công trình công cộng, công trình kiến trúc và tài sản khác thuộc sở hữu nhà nước; tài sản từ nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cho Nhà nước.

4. *Hoa hồng* là khoản tiền mà người mua được khấu trừ hoặc hiện vật, dịch vụ mà người mua được nhận thêm từ người bán khi mua phương tiện, thiết bị, tài sản khác hoặc khi thanh toán dịch vụ.

5. *Tài nguyên thiên nhiên* là các nguồn lực có trong tự nhiên thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý, bao gồm tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng và các tài nguyên khác.

Điều 4. Nguyên tắc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải được quán triệt từ chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách và được thể chế hoá bằng pháp luật.

2. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải căn cứ vào định mức, tiêu chuẩn, chế độ và quy định của pháp luật.

3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức; trên cơ sở phân cấp quản lý đồng thời với việc nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức.

4. Bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, đề cao vai trò giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận, đoàn thể quần chúng và nhân dân trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Có chế độ khen thưởng, xử lý vi phạm rõ ràng, nghiêm minh, kịp thời và công khai.

Điều 5. Ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ làm căn cứ tổ chức thực hiện việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời định mức, tiêu chuẩn, chế độ để làm căn cứ tổ chức thực hiện việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Định mức, tiêu chuẩn, chế độ phải được xây dựng trên cơ sở khoa học, phù hợp với thực tế và khả năng của ngân sách nhà nước; được công khai đến các cơ quan, tổ chức và đối tượng thực hiện.

3. Người đứng đầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ phải thực hiện đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 6. Lĩnh vực công khai, hình thức công khai

1. Lĩnh vực công khai bao gồm:

a) Phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Tài sản và kế hoạch mua sắm, sử dụng tài sản trong cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Động viên vào ngân sách nhà nước, huy động vốn cho ngân sách nhà nước và cho tín dụng nhà nước; các quỹ có nguồn huy động đóng góp của nhân dân;

d) Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch, danh mục dự án đầu tư, nguồn vốn đầu tư; quy hoạch xây dựng; kế hoạch mời thầu;

đ) Quy hoạch, kế hoạch và hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên;

e) Phân bổ, sử dụng nguồn lực lao động.

2. Hình thức công khai bao gồm:

a) Phát hành ấn phẩm;

b) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin điện tử;

c) Công bố trong kỳ họp hằng năm; niêm yết tại trụ sở làm việc và gửi văn bản đến các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Chính phủ quy định các lĩnh vực khác cần công khai không thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này và hướng dẫn thực hiện công khai trong các lĩnh vực; quy định việc công khai quy trình, thủ tục giải quyết công việc giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, cá nhân.

Điều 7. Giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Công dân có quyền và trách nhiệm giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phát hiện và kịp thời báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các hành vi gây lãng phí.

2. Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, các cơ quan khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội có quyền và trách nhiệm giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội.

3. Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền và trách nhiệm giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Thanh tra nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận, đoàn thể quần chúng có quyền và trách nhiệm giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 8. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực được giao quản lý và trong cơ quan, tổ chức mình.

2. Bảo đảm việc thực hiện quyền giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của công dân, cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 7 của Luật này. Khi nhận được tin báo của công dân, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải kiểm tra, xem xét để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời và phải trả lời bằng văn bản cho người đã phát hiện.

3. Xử lý hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật đối với người trong cơ quan, tổ chức mình có hành vi gây lãng phí; thực hiện công khai việc xử lý hành vi gây lãng phí trong cơ quan, tổ chức.

4. Gương mẫu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm về tình trạng lãng phí trong cơ quan, tổ chức mình.

Điều 9. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Thực hiện công vụ được giao đúng quy định của pháp luật, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Sử dụng tiền, tài sản nhà nước được giao đúng mục đích, định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Tham gia giám sát, đề xuất các biện pháp, giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức và trong lĩnh vực công tác được phân công, kịp thời phát hiện, tố cáo, ngăn chặn và xử lý hành vi gây lãng phí theo thẩm quyền.

Chương II

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mục 1

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG VIỆC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ TOÁN, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 10. *Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán kinh phí ngân sách nhà nước*

Việc lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán kinh phí ngân sách nhà nước phải đúng thẩm quyền, trình tự, nội dung, đối tượng và thời gian theo quy định của pháp luật; đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch.

Điều 11. *Giao khoán kinh phí hoạt động, giao tự chủ tài chính cho các cơ quan, tổ chức*

1. Thực hiện cơ chế giao khoán kinh phí hoạt động, giao tự chủ tài chính cho các cơ quan, tổ chức hoạt động bằng kinh phí ngân sách nhà nước khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về khoán kinh phí hoạt động, tự chủ tài chính; khuyến khích cơ quan, tổ chức thực hiện giao khoán một số khoản kinh phí đến người quản lý, sử dụng trực tiếp.

2. Việc giao khoán kinh phí hoạt động, giao tự chủ tài chính phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và trên cơ sở đánh giá tình hình sử dụng kinh phí ngân sách thực tế của cơ quan, tổ chức, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Cơ quan, tổ chức được giao khoán kinh phí hoạt động, được giao tự chủ tài chính phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoán kinh phí hoạt động, tự chủ tài chính, bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao và mục tiêu khi được giao khoán kinh phí hoạt động, được giao tự chủ tài chính.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được giao khoán kinh phí hoạt động, được giao tự chủ tài chính vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này gây lãng phí thì phải bị xử lý kỷ luật.

Điều 12. *Lập, thẩm định, xét duyệt quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước*

1. Việc lập, thẩm định, xét duyệt quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phải căn cứ vào định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước. Nghiêm cấm việc quyết toán chi ngân sách nhà nước không có khối lượng, không đúng thủ tục, sai nội dung, đối tượng.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp có trách nhiệm thẩm định, xét duyệt quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho cơ quan, tổ chức trực thuộc theo đúng quy định của pháp luật; phát hiện và xử lý kịp thời trường hợp lập quỹ trái phép.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức và những người có liên quan trong việc lập, thẩm định, xét duyệt quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử lý kỷ luật.

MỤC 2

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG MUA SẮM, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ LÀM VIỆC

Điều 13. *Mua sắm, trang bị, sửa chữa phương tiện đi lại*

1. Việc mua sắm, trang bị phương tiện đi lại của cơ quan, tổ chức phải đúng đối tượng, phục vụ thiết thực cho công việc, không được vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Nghiêm cấm việc mua sắm, trang bị phương tiện đi lại sai đối tượng, vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

2. Việc sửa chữa, thay thế phương tiện đi lại phải theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ và các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

3. Hằng năm, bộ, ngành và địa phương phải chỉ đạo, hướng dẫn việc rà soát, kiểm tra toàn bộ phương tiện đi lại của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý để xây dựng kế hoạch mua sắm, trang bị mới, sửa chữa phương tiện đi lại hoặc thực hiện điều chuyển từ nơi thừa sang nơi thiếu.

4. Người quyết định mua sắm, trang bị, sửa chữa phương tiện đi lại và những người có liên quan vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử lý kỷ luật.

Điều 14. *Sử dụng phương tiện đi lại*

1. Việc sử dụng phương tiện đi lại của cơ quan, tổ chức phải đúng mục đích, đúng đối tượng và không được vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng phương tiện đi lại phải xây dựng và thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc bảo quản phương tiện đi lại, sử dụng nhiên liệu theo đúng định mức tiêu hao.

3. Cơ quan, tổ chức phải thanh lý kịp thời các phương tiện đi lại đã được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật này và nộp tiền thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định và tổ chức thực hiện chế độ sử dụng phương tiện đi lại theo các phương thức sau đây:

- a) Trang bị phương tiện đi lại theo chức danh, chức vụ, địa bàn công tác;
- b) Thuê phương tiện đi lại của doanh nghiệp dịch vụ để phục vụ công việc;
- c) Khoán kinh phí cho người có tiêu chuẩn, chế độ sử dụng phương tiện đi lại.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Điều 15. Mua sắm, trang bị phương tiện, thiết bị làm việc

1. Việc mua sắm, trang bị phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức phải đúng đối tượng, phục vụ thiết thực, hiệu quả cho công việc, đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ theo quy định do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành; không được mua sắm, trang bị phương tiện, thiết bị làm việc sai đối tượng, vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Cơ quan, tổ chức phải bố trí, phân công người quản lý, sử dụng và mở sổ theo dõi các loại phương tiện, thiết bị làm việc.

3. Người quyết định mua sắm, trang bị phương tiện, thiết bị làm việc và những người có liên quan vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử lý kỷ luật.

Điều 16. Sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc đúng mục đích; nghiêm cấm sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc vào việc riêng. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xây dựng quy chế nội bộ về sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc; xử lý hoặc báo cáo cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý phương tiện,

thiết bị làm việc không cần sử dụng hoặc không còn sử dụng được bằng hình thức điều chuyển, thu hồi, thanh lý hoặc bán theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Điều 17. *Mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện thông tin, liên lạc*

1. Việc mua sắm, trang bị phương tiện thông tin, liên lạc tại trụ sở làm việc phải theo yêu cầu công việc, không được vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Phương tiện thông tin, liên lạc tại trụ sở làm việc chỉ được sử dụng vào mục đích công vụ.

2. Việc trang bị, sử dụng phương tiện thông tin, liên lạc cho cá nhân hoặc tại nhà riêng của cán bộ, công chức phải theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và dự toán được duyệt; thực hiện khoản đến người sử dụng khoản kinh phí này.

3. Cơ quan, tổ chức phải xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế nội bộ về sử dụng tiết kiệm phương tiện thông tin, liên lạc; rà soát toàn bộ phương tiện thông tin, liên lạc thuộc phạm vi quản lý, thu hồi những phương tiện được trang bị không đúng đối tượng và lập kế hoạch trang bị, điều chuyển phương tiện thông tin, liên lạc phù hợp với yêu cầu công việc, tiết kiệm và hiệu quả.

4. Người quyết định mua sắm, trang bị, người sử dụng phương tiện thông tin, liên lạc và những người có liên quan vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử lý kỷ luật.

Điều 18. *Quản lý, sử dụng khoản hoa hồng*

1. Người được cơ quan, tổ chức giao mua sắm phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc, tài sản khác hoặc thanh toán dịch vụ nếu có khoản hoa hồng thì phải kê khai, nộp lại cơ quan, tổ chức để quản lý, sử dụng cho hoạt động của cơ quan, tổ chức đó. Việc quản lý, sử dụng khoản hoa hồng từ mua sắm tài sản, thanh toán dịch vụ phải công khai, minh bạch. Nghiêm cấm giữ lại khoản hoa hồng để sử dụng sai mục đích.

2. Người nào vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này thì phải hoàn trả cho cơ quan, tổ chức khoản hoa hồng đã nhận và bị xử lý kỷ luật.

MỤC 3 THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 19. *Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm*

1. Khi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, cơ quan, tổ chức phải có kế hoạch, có nội dung thiết thực, xác định rõ thành phần, số lượng tham dự, địa điểm và thời gian tổ chức, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả.

2. Kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm phải được quản lý, sử dụng theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và dự toán được duyệt. Nghiêm cấm việc sử dụng kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm để chi cho các nội dung ngoài chương trình.

3. Kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm trong dự toán hằng năm của cơ quan, tổ chức sử dụng không hết do thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm được chuyển chi cho các công việc khác theo quy định của Chính phủ.

4. Người quyết định tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, người có thẩm quyền duyệt chi và những người có liên quan vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử lý kỷ luật.

Điều 20. Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm

1. Việc chi tiếp khách, khánh tiết không được vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; việc chi tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm phải trong phạm vi dự toán do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc sử dụng công quỹ để tặng, thưởng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm phải theo đúng quy định của pháp luật. Nghiêm cấm sử dụng công quỹ để tặng, thưởng sai quy định của pháp luật.

3. Người quyết định chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử lý kỷ luật.

Điều 21. Cử cán bộ, công chức, viên chức đi công tác

1. Cơ quan, tổ chức chỉ cử cán bộ, công chức, viên chức đi công tác khi có kế hoạch, mục đích, yêu cầu công tác cụ thể.

2. Việc thanh toán công tác phí phải theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và dự toán được duyệt. Nghiêm cấm việc thanh toán trùng lặp công tác phí từ nhiều nguồn khác nhau hoặc lợi dụng thanh toán công tác phí để thu lợi bất chính.

3. Người quyết định thanh toán công tác phí vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ, người lợi dụng thanh toán công tác phí để thu lợi bất chính phải hoàn trả số tiền công tác phí đã thanh toán không đúng quy định cho cơ quan, tổ chức và bị xử lý kỷ luật.

Điều 22. Quản lý, sử dụng điện, nước

1. Cơ quan, tổ chức phải xây dựng quy chế nội bộ về quản lý, sử dụng điện, nước để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Cơ quan, tổ chức khi mua sắm, trang bị phương tiện, thiết bị, đồ dùng sử dụng điện, nước phải thực hiện các biện pháp tiết kiệm do cơ quan quản lý lĩnh vực quy định, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng trang thiết bị để bảo đảm duy trì mức tiêu hao tiết kiệm. Nghiêm cấm việc sử dụng điện, nước lãng phí trong hoạt động của cơ quan, tổ chức.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Điều 23. Quản lý, sử dụng văn phòng phẩm, sách, báo, tạp chí

1. Việc mua sắm văn phòng phẩm, sách, báo, tạp chí của cơ quan, tổ chức phải xuất phát từ nhu cầu công việc và trong phạm vi dự toán được duyệt; thực hiện khoán chi văn phòng phẩm, sách, báo, tạp chí đến người sử dụng.

2. Người quyết định mua sắm văn phòng phẩm, sách, báo, tạp chí và những người có liên quan vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử lý kỷ luật.

MỤC 4

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA, KINH PHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Điều 24. Quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu, chương trình quốc gia

1. Kinh phí chương trình mục tiêu, chương trình quốc gia phải được sử dụng đúng mục đích và nội dung chương trình đã được phê duyệt; không vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Kinh phí chương trình mục tiêu, chương trình quốc gia chỉ được quyết toán sau khi đã được nghiệm thu kết quả thực hiện; đối với chương trình mục tiêu, chương trình quốc gia không được nghiệm thu thì người có trách nhiệm quản lý, chỉ đạo thực hiện chương trình phải làm rõ nguyên nhân và xác định trách nhiệm cụ thể để có biện pháp xử lý kịp thời.

3. Người quyết định sử dụng kinh phí chương trình, người có thẩm quyền nghiệm thu, phê duyệt quyết toán chương trình, người có trách nhiệm quản lý, chỉ đạo thực hiện chương trình vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử lý kỷ luật.

Điều 25. Sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Việc sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phải đúng mục đích, không được trùng lặp với các nguồn kinh phí khác và bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

2. Việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải bảo đảm công khai, công bằng, dân chủ, khách quan và đúng phương thức tuyển chọn theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí thì thực hiện khoản kinh phí hỗ trợ.

3. Cơ quan, tổ chức quản lý nghiên cứu khoa học và công nghệ, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu khoa học, người quyết định chi và tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Chương III

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, TIỀN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Điều 26. Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch và danh mục dự án đầu tư

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng; quy hoạch xây dựng phải phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, khả năng của nền kinh tế và bảo đảm có hiệu quả. Quy hoạch, kế hoạch được duyệt phải được công khai theo quy định của pháp luật.

2. Việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch, kế hoạch, danh mục dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng và quy hoạch xây dựng.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức và những người có liên quan trong việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch, danh mục dự án đầu tư vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bị xử lý kỷ luật.

Điều 27. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng; quy

hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch, danh mục dự án đầu tư; bảo đảm thực hiện đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong xây dựng; phù hợp với khả năng bố trí nguồn vốn; bảo đảm cân đối giữa nguồn vật tư, nguyên liệu với năng lực sản xuất và thị trường tiêu thụ; đạt hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Dự án đầu tư trước khi quyết định đầu tư phải xác định rõ nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cân đối đủ nguồn vốn để thực hiện dự án đúng tiến độ. Nghiêm cấm việc bố trí dàn trải vốn đầu tư gây nợ đọng khối lượng xây dựng.

3. Cơ quan, tổ chức, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và những người có liên quan trong việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Điều 28. *Khảo sát, thiết kế xây dựng công trình*

1. Việc khảo sát, thiết kế xây dựng công trình phải theo đúng quy trình, quy phạm khảo sát, thiết kế do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Việc thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình phải theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Cơ quan, tổ chức, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và những người có liên quan trong việc khảo sát, thiết kế, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả, bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Điều 29. *Lập, thẩm định, phê duyệt tổng dự toán, dự toán công trình*

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt tổng dự toán, dự toán công trình phải căn cứ vào định mức, đơn giá, tiêu chuẩn xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phải phù hợp với thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt. Nghiêm cấm điều chỉnh tổng dự toán công trình trái với pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

2. Người có thẩm quyền phê duyệt tổng dự toán, dự toán công trình, phê duyệt điều chỉnh tổng dự toán công trình và những người có liên quan vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây lãng phí thì bị xử lý kỷ luật.

Điều 30. *Lựa chọn nhà thầu, tổ chức tư vấn giám sát thực hiện dự án đầu tư*

1. Dự án đầu tư phải được thông báo công khai việc mời thầu trên các phương tiện thông tin đại chúng và tổ chức đấu thầu theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu để lựa chọn nhà thầu, tổ chức tư vấn giám sát. Nghiêm cấm việc thông đồng

giữa các tổ chức, cá nhân dự thầu hoặc giữa tổ chức, cá nhân dự thầu với chủ đầu tư, chủ dự án trong quá trình tổ chức đấu thầu.

2. Cơ quan, tổ chức, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và những người có liên quan vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Điều 31. Thực hiện dự án đầu tư, thi công công trình

1. Dự án đầu tư chỉ được thực hiện, công trình chỉ được thi công khi dự án đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm đủ nguồn vốn theo tiến độ. Dự án đầu tư được duyệt không nằm trong quy hoạch, kế hoạch, không bảo đảm các điều kiện quy định, không đúng quy trình, thủ tục đầu tư thì phải bị đình chỉ hoặc huỷ bỏ.

2. Việc giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải bảo đảm tiến độ thực hiện dự án. Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải công khai, khách quan, công bằng và theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, hành vi cản trở, gây khó khăn làm chậm tiến độ giải phóng mặt bằng.

3. Việc thi công công trình phải đúng thiết kế, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; đúng tiến độ thi công đã được phê duyệt. Chủ đầu tư, chủ dự án phải chịu trách nhiệm kiểm tra, yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng thời gian thi công, thi công đúng thiết kế, sử dụng nguyên liệu, vật liệu theo đúng tiêu chuẩn chất lượng, yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm chất lượng công trình và tiến độ thi công.

4. Tổ chức tư vấn giám sát thi công công trình có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết với chủ đầu tư, chủ dự án; phát hiện và ngăn chặn kịp thời hành vi tiêu cực, gây lãng phí trong quá trình thi công. Nghiêm cấm tổ chức tư vấn giám sát thi công công trình thông đồng với chủ đầu tư, chủ dự án và nhà thầu để thu lợi bất chính, làm giảm chất lượng công trình.

5. Chủ đầu tư, chủ dự án phải nghiệm thu và quyết toán công trình theo đúng quy định, không được tự ý thay đổi thiết kế, dự toán công trình hoặc giá trúng thầu đã được duyệt.

6. Cơ quan, tổ chức, người đứng đầu cơ quan, tổ chức được giao làm chủ đầu tư, chủ dự án và những người có liên quan vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Điều 32. Cấp, thanh toán và quyết toán vốn cho dự án đầu tư

1. Việc cấp vốn cho dự án đầu tư phải bảo đảm đúng tiến độ, trong phạm vi tổng dự toán, dự toán công trình hoặc giá trúng thầu đã được duyệt; việc thanh toán

vốn đầu tư phải theo đúng khối lượng hoàn thành được nghiệm thu; việc kiểm tra, giám sát sử dụng vốn và thẩm tra quyết toán công trình phải đúng quy định về quản lý vốn đầu tư. Nghiêm cấm ứng trước vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho dự án chưa được phê duyệt.

2. Đối với dự án đầu tư đã được phê duyệt và bố trí vốn nhưng chậm khởi công xây dựng thì phải điều chuyển vốn cho dự án đầu tư khác theo quy định của Chính phủ.

3. Cơ quan, tổ chức, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và những người có liên quan trong việc cấp, thanh toán và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sai quy định, không bảo đảm đủ vốn theo quy định làm chậm tiến độ xây dựng công trình do nguyên nhân chủ quan, gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Điều 33. Bố trí nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư

1. Việc bố trí nguồn vốn để thực hiện dự án đầu tư phải phù hợp với danh mục dự án đầu tư được duyệt, tính chất, quy mô, tiến độ, yêu cầu của dự án đầu tư và khả năng của ngân sách nhà nước. Vốn ngân sách nhà nước được sử dụng để tập trung đầu tư cho các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội và dự án khác không vì mục tiêu lợi nhuận.

2. Nghiêm cấm việc chuyển nguồn vốn vay trong dự án đầu tư thành nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp, trừ trường hợp có nguyên nhân khách quan được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

3. Người quyết định bố trí vốn, chuyển nguồn vốn của dự án đầu tư và những người có liên quan vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì bị xử lý kỷ luật.

Điều 34. Tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, lễ khánh thành công trình xây dựng

1. Việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, lễ khánh thành chỉ được thực hiện đối với các công trình sau đây:

- a) Công trình quan trọng quốc gia;
- b) Công trình có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của địa phương.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, lễ khánh thành đối với công trình quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và quy định việc tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, lễ khánh thành đối với công trình quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Nghiêm cấm sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, lễ khánh thành đối với công trình không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Cơ quan, tổ chức, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và những người có liên quan vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Chương IV

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, NHÀ CÔNG VỤ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG TRÌNH PHÚC LỢI CÔNG CỘNG

Điều 35. Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc

1. Việc xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa hoặc thuê trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước phải trên cơ sở định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng trụ sở làm việc và các công trình kiến trúc khác gắn liền với diện tích đất thuộc trụ sở làm việc phải quản lý, sử dụng theo đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả.

3. Trụ sở làm việc sử dụng không đúng mục đích hoặc không sử dụng thì phải bị thu hồi; mọi khoản thu phát sinh do việc sử dụng trụ sở làm việc không đúng mục đích phải được thu hồi và nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Cơ quan, tổ chức, người đứng đầu cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng trụ sở làm việc và những người có liên quan vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Điều 36. Quản lý, sử dụng nhà công vụ

1. Nhà công vụ được xây dựng và bố trí cho cán bộ, công chức, viên chức để ở trong thời gian thực thi công vụ phải đúng đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Người được giao nhà công vụ phải ký hợp đồng sử dụng với cơ quan quản lý; phải quản lý, sử dụng đúng mục đích, chế độ; phải trả lại cho Nhà nước khi thôi

trách nhiệm công vụ. Nhà công vụ bố trí không đúng đối tượng, sử dụng không đúng mục đích hoặc không sử dụng thì phải bị thu hồi.

3. Người có thẩm quyền quyết định bố trí sử dụng nhà công vụ, người được giao sử dụng nhà công vụ vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử lý kỷ luật.

Điều 37. Quản lý, sử dụng công trình phúc lợi công cộng

1. Công trình phúc lợi công cộng phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích.

2. Cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng công trình phúc lợi công cộng phải có kế hoạch bảo quản, khai thác, tu bổ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. Công trình phúc lợi công cộng không đưa vào sử dụng, sử dụng kém hiệu quả thì phải bị thu hồi, giao cho cơ quan, tổ chức khác quản lý, sử dụng.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng công trình phúc lợi công cộng và những người có liên quan vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử lý kỷ luật.

Chương V

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ, KHAİ THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Điều 38. Quy hoạch sử dụng đất

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm chỉ đạo, khảo sát, đo đạc, đánh giá, phân hạng đất, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất, lập quy hoạch, kế hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bảo đảm công khai, minh bạch.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quyết định điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, bảo đảm công khai, minh bạch.

3. Người đứng đầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử lý kỷ luật.

Điều 39. Quản lý đất

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải thực hiện đúng quy định, quy trình, thủ tục của pháp luật và theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. Nghiêm cấm mọi hành vi giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trái quy định của pháp luật về đất đai, làm sai mục đích sử dụng đất, trái quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3. Người có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và những người có liên quan vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Điều 40. Sử dụng đất

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao đất nhưng không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích thì phải bị thu hồi và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

2. Nghiêm cấm mọi hành vi của người sử dụng đất làm suy giảm chất lượng, làm ô nhiễm, làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất, gây lãng phí. Người sử dụng đất có hành vi gây lãng phí, làm ảnh hưởng xấu đến môi trường và những người sử dụng đất xung quanh thì phải bồi thường thiệt hại, bị thu hồi đất và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

3. Người phát hiện hành vi làm ô nhiễm, huỷ hoại, gây lãng phí đất có trách nhiệm báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để có biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời.

Điều 41. Quy hoạch, quản lý tài nguyên nước

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm chỉ đạo, lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch nguồn tài nguyên nước; xây dựng kế hoạch khai thác và bảo vệ tài nguyên nước bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm quản lý chặt chẽ việc khai thác và sử dụng tài nguyên nước; quản lý chất lượng và trữ lượng nguồn nước; kịp thời xử lý hoặc chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi làm ô nhiễm, huỷ hoại, gây lãng phí tài nguyên nước.

3. Người đứng đầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử lý kỷ luật.

Điều 42. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ sản xuất và đời sống phải có biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước. Mọi hành vi làm ô nhiễm, huỷ hoại, gây lãng phí trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước đều phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính.

2. Người phát hiện hành vi làm ô nhiễm, huỷ hoại, gây lãng phí tài nguyên nước có trách nhiệm báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để có biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời.

Điều 43. Quy hoạch, quản lý khoáng sản

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm chỉ đạo, lập quy hoạch, điều tra, thăm dò, xây dựng kế hoạch khai thác, quản lý việc khai thác, sử dụng các nguồn khoáng sản, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo đúng các điều kiện và thủ tục do pháp luật quy định.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Điều 44. Khai thác, sử dụng khoáng sản

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản chỉ được phép khai thác đúng chủng loại, kỹ thuật, trữ lượng khoáng sản ghi trong giấy phép; trường hợp khai thác quá mức hoặc không đúng chủng loại, kỹ thuật đã được ghi trong giấy phép, làm huỷ hoại, gây lãng phí khoáng sản thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính.

2. Nghiêm cấm mọi hành vi khai thác khoáng sản trái phép. Người phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác trái phép, làm huỷ hoại, gây lãng phí khoáng sản có trách nhiệm báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để có biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi sử dụng khoáng sản phải bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả, nếu gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 45. Quy hoạch, quản lý tài nguyên rừng

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm chỉ đạo, lập quy hoạch quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên rừng. Việc lập quy hoạch, kế hoạch khai thác tài nguyên rừng phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch tái tạo, bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng; phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

2. Việc trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ và phát triển rừng tự nhiên phải theo đúng quy hoạch, kế hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Điều 46. Khai thác, sử dụng tài nguyên rừng

1. Việc khai thác tài nguyên rừng phải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng. Nghiêm cấm mọi hành vi khai thác trái phép, làm huỷ hoại, gây lãng phí các hệ sinh thái, hệ động vật, thực vật rừng.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về khai thác và sử dụng tài nguyên rừng làm huỷ hoại, gây lãng phí tài nguyên rừng thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính.

3. Người phát hiện hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, làm huỷ hoại, gây lãng phí tài nguyên rừng có trách nhiệm báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để có biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời.

Điều 47. Quản lý, khai thác và sử dụng các loại tài nguyên thiên nhiên khác

1. Các loại tài nguyên thiên nhiên chưa được quy định tại các điều từ Điều 38 đến Điều 46 của Luật này phải được quản lý, khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi làm huỷ hoại, gây lãng phí các nguồn tài nguyên thiên nhiên thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính.

3. Người phát hiện hành vi làm huỷ hoại, gây lãng phí tài nguyên thiên nhiên có trách nhiệm báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để có biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời.

Điều 48. Tái sử dụng tài nguyên và các nguồn năng lượng

1. Nhà nước có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tái chế, tái sử dụng tài nguyên và các nguồn năng lượng có thể tái tạo được.

2. Chính phủ quy định cụ thể khoản 1 Điều này.

Chương VI

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG ĐÀO TẠO,

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VÀ THỜI GIAN LAO ĐỘNG TRONG KHU VỰC NHÀ NƯỚC

Điều 49. Đào tạo nguồn lực lao động

Việc xác định quy mô, cơ cấu đào tạo nguồn lực lao động phải gắn với yêu cầu của thị trường lao động, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; chương trình đào tạo phải phù hợp với sự phát triển của khoa học - công nghệ và đáp ứng yêu cầu về chất lượng của nguồn lực lao động.

Điều 50. Tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức

1. Việc tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức phải căn cứ vào tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, yêu cầu nhiệm vụ, khối lượng công việc và trong phạm vi biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định; bảo đảm công khai, minh bạch và theo đúng quy định về tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức. Không được tuyển dụng theo hình thức biên chế hoặc hợp đồng dài hạn đối với những công việc có thể áp dụng hình thức hợp đồng thuê khoán.

2. Nghiêm cấm việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức vượt quá số biên chế được quyết định; tuyển dụng sai đối tượng, không đúng quy trình hoặc thẩm quyền.

3. Người quyết định việc tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử lý kỷ luật.

Điều 51. Bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức

1. Việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức phải căn cứ vào yêu cầu công việc, trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện đối với ngạch, chức danh theo quy định.

2. Việc nâng ngạch, chuyển ngạch, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức phải theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và bảo đảm sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức. Nghiêm cấm nâng ngạch, chuyển ngạch, bổ nhiệm hoặc sử dụng cán bộ, công chức, viên chức sai quy định.

3. Cơ quan, tổ chức phải xây dựng và thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức, viên chức được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xét duyệt; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện tinh giản biên chế hoặc sắp xếp lại công việc đối với những trường hợp hạn chế về sức khỏe, năng lực, trình độ hoặc không đáp ứng được yêu cầu công việc.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Điều 52. Sử dụng thời gian lao động

1. Cơ quan, tổ chức phải xây dựng kế hoạch sử dụng thời gian lao động, xử lý công việc khoa học, hợp lý, thực hiện cải cách hành chính. Việc tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lễ kỷ niệm phải bảo đảm đúng mục đích, đúng thành phần, đối tượng tham dự và tiết kiệm thời gian.

2. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải sử dụng thời gian lao động có hiệu quả. Nghiêm cấm sử dụng thời gian lao động vào việc riêng.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức và những người có liên quan vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thời gian lao động thì phải bị xử lý kỷ luật.

Điều 53. Chấp hành kỷ luật lao động

1. Cơ quan, tổ chức sử dụng lao động phải xây dựng quy định về kỷ luật lao động phù hợp với quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về cán bộ, công chức.

2. Người lao động phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về lao động và quy định của cơ quan, tổ chức sử dụng lao động về kỷ luật lao động.

3. Cơ quan, tổ chức, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và những người có liên quan vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Chương VII

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

Điều 54. Nguyên tắc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (sau đây gọi là công ty nhà nước) phải quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước, thực hiện chế độ báo cáo và công khai tài chính theo quy định của pháp luật; xây dựng kế hoạch và biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công ty.

2. Vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác phải được quản lý chặt chẽ, đúng chế độ. Việc đầu tư, góp, tăng, giảm vốn đầu tư phải được xem xét trên cơ sở hiệu quả vốn đầu tư, khả năng bảo toàn và phát triển vốn. Phân vốn góp thu về và lãi được chia phải được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 55. Quản lý, sử dụng vốn và các quỹ của công ty nhà nước

1. Công ty nhà nước có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn được Nhà nước giao; thực hiện chế độ quản lý, sử dụng vốn và các quỹ của công ty theo quy định của pháp luật; tăng cường và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

2. Công ty nhà nước phải thực hiện việc trích, lập, quản lý và sử dụng các quỹ đúng mục đích và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Nghiêm cấm việc trích, lập quỹ trái phép.

Điều 56. Sử dụng đất trong công ty nhà nước

Công ty nhà nước có trách nhiệm xác định giá trị quyền sử dụng đất và quản lý đất theo chế độ quản lý tài sản nhà nước. Việc sử dụng đất phải đúng mục đích được ghi trong quyết định giao đất, cho thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Điều 57. Mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản cố định trong công ty nhà nước

1. Việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản cố định trong công ty nhà nước phải theo đúng quy định của pháp luật về quản lý tài chính, quản lý đầu tư xây dựng và phải được tính toán trên cơ sở nâng cao công suất sử dụng máy móc, thiết bị. Nghiêm cấm việc mua sắm các thiết bị, công nghệ lạc hậu, kém hiệu quả; việc mua sắm, trang bị ô tô cho lãnh đạo công ty không được vượt tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Công ty nhà nước phải phân định rõ trách nhiệm của người quản lý, sử dụng đối với từng tài sản trong công ty; thực hiện chế độ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản đúng quy trình kỹ thuật.

3. Công ty nhà nước phải có biện pháp đổi mới, hiện đại hoá công nghệ, cải tiến kỹ thuật và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định; chủ động nhượng, bán, thanh lý tài sản không cần sử dụng, kém phẩm chất, đã lạc hậu về kỹ thuật, hư hỏng không sử dụng được theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Mua sắm, quản lý, sử dụng vật tư và các tài sản khác trong công ty nhà nước

1. Công ty nhà nước phải tính toán, xác định nhu cầu sử dụng, dự trữ vật tư và các tài sản khác hợp lý trên cơ sở nhu cầu sản xuất, kinh doanh và khả năng cung ứng của thị trường.

2. Công ty nhà nước phải xây dựng và thực hiện đúng các định mức sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và áp dụng các biện pháp tiên tiến phù hợp với đặc điểm tổ chức kinh doanh và đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, thực trạng trang thiết bị của công ty, bảo đảm tiết kiệm, giảm chi phí, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Điều 59. Quản lý, sử dụng các chi phí khác trong công ty nhà nước

1. Đối với chi phí về lao động, công ty nhà nước phải xây dựng định mức lao động để xây dựng đơn giá tiền lương và sử dụng lao động trong công ty, có biện pháp tăng năng suất lao động, sử dụng lao động có hiệu quả.

2. Đối với các phương tiện, thiết bị và tài sản phục vụ công tác quản lý, công ty nhà nước phải thực hiện việc quản lý, sử dụng theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Đối với các khoản chi hoa hồng, chi tiếp khách, hội họp, giao dịch, công ty nhà nước phải xây dựng định mức chi tiêu có hiệu quả, tiết kiệm và đúng quy định của pháp luật. Nghiêm cấm việc sử dụng công quỹ để làm quà biếu, quà tặng sai quy định.

4. Đối với các khoản chi thưởng sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí, công ty nhà nước phải xác định mức tiền thưởng trên cơ sở hiệu quả sản xuất, kinh doanh và kết quả tiết kiệm đạt được.

Điều 60. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc công ty nhà nước

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc công ty nhà nước có trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn và tài sản của công ty hiệu quả; nếu thiếu trách nhiệm, gây lãng phí thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Điều 61. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp

1. Người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp có trách nhiệm theo dõi, giám sát tình hình hoạt động, kinh doanh của doanh nghiệp; nếu thiếu trách nhiệm, gây lãng phí cho doanh nghiệp và Nhà nước thì phải bồi thường và bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

2. Người đại diện phần vốn góp của Nhà nước phải chịu trách nhiệm về những vấn đề đã biểu quyết đối với các quyết định của doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước; định kỳ báo cáo việc sử dụng vốn góp của Nhà nước với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Chương VIII
THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU DÙNG CỦA CÁ NHÂN

Điều 62. Đầu tư xây dựng, phát triển sản xuất, kinh doanh

1. Nhà nước khuyến khích toàn dân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng để dành vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, tham gia mua công trái xây dựng Tổ quốc, tín phiếu, trái phiếu, cổ phiếu, gửi tiền tiết kiệm và các hình thức đầu tư sinh lợi khác mà pháp luật không cấm.

2. Các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh phải thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và quy định về bảo vệ cảnh quan môi trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức kinh tế, hộ gia đình sử dụng vốn, lao động, tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực khác trong đầu tư xây dựng, sản xuất, kinh doanh tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 63. Xây dựng nhà ở, mua sắm phương tiện, thiết bị dùng cho đời sống sinh hoạt và tiêu dùng hàng ngày

1. Việc xây dựng nhà ở phải thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy định về bảo vệ cảnh quan môi trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Nhà nước khuyến khích toàn dân tiết kiệm trong việc xây dựng nhà ở, mua sắm phương tiện, thiết bị dùng cho đời sống sinh hoạt; tiết kiệm trong sử dụng điện, nước sinh hoạt và tiêu dùng hàng ngày.

Điều 64. Việc cưới, việc tang, lễ hội và các hoạt động văn hoá khác

1. Nhà nước khuyến khích toàn dân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc cưới, việc tang, lễ hội và các hoạt động văn hoá khác, tránh xa hoa, lãng phí, bảo đảm giữ gìn thuần phong, mỹ tục, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh.

2. Bộ Văn hoá - Thông tin có trách nhiệm ban hành quy chế mẫu về hương ước, quy ước trong tổ chức việc cưới, việc tang, lễ hội và các hoạt động văn hoá khác của nhân dân, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí để hướng dẫn các địa phương xây dựng, ban hành và thực hiện trong nhân dân.

Điều 65. Tổ chức thực hiện quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong nhân dân

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức triển khai phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong nhân dân, quy định các hình thức biểu dương, khen thưởng đối với gia đình, cá nhân thực hiện tốt quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Bộ Văn hoá - Thông tin xây dựng tiêu chuẩn gia đình văn hoá gắn với việc khuyến khích, động viên nhân dân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần xây dựng xã hội văn minh, lành mạnh.

2. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm vận động, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức và thành viên của tổ chức mình gương mẫu thực hiện các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đưa việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thành nội dung để xem xét, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và thành viên của tổ chức.

3. Các cơ quan thông tin đại chúng kịp thời tuyên truyền, cổ vũ, biểu dương gương người tốt, việc tốt trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo dư luận xã hội lên án, phê phán hành vi lãng phí.

Chương IX

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

TRONG THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 66. *Trách nhiệm của Chính phủ*

1. Trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức, tiêu chuẩn, chế độ sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Chỉ đạo, tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xử lý kịp thời, nghiêm minh và công khai việc xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo thẩm quyền.

4. Phê duyệt chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm và dài hạn; chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng và thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm và dài hạn thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý; tổ chức, chỉ đạo sơ kết, tổng kết việc thực hiện chương trình, có biện pháp khen thưởng bộ, ngành và địa phương thực hiện tốt, xử lý bộ, ngành và địa phương không triển khai thực hiện, thực hiện chậm hoặc kém hiệu quả; báo cáo Quốc hội kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại kỳ họp cuối năm.

5. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên truyền, vận động toàn dân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 67. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Cụ thể hoá, xây dựng và hướng dẫn thực hiện chính sách, biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chỉ đạo cơ quan, tổ chức cấp dưới triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Rà soát hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền quản lý; sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn, tiến bộ khoa học và công nghệ, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Xây dựng và thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, định kỳ báo cáo Chính phủ kết quả thực hiện; tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và công khai việc xử lý vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực quản lý và đối với các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Bảo đảm việc thực hiện quyền giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của công dân và các cơ quan, tổ chức.

5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có nhiệm vụ tổ chức thực hiện quy định tại Điều này và phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi, lĩnh vực quản lý được giao.

Điều 68. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kịp thời các định mức, tiêu chuẩn, chế độ tài chính về quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước, bảo đảm phù hợp với thực tế và khả năng của ngân sách nhà nước; ban hành quy chế, thủ tục kiểm soát chi; quy định về chế độ báo cáo tài chính công khai và quy trình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Thanh tra, kiểm tra việc phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước; việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, cấp vốn cho đầu tư xây dựng, việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Tổng hợp trình Chính phủ phê duyệt chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm và dài hạn; triển khai thực hiện và định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 69. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Hướng dẫn xây dựng và thẩm định quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng; xây dựng và hướng dẫn xây dựng quy hoạch, kế hoạch, danh mục các dự án đầu tư bảo đảm yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Thẩm định, giám sát và đánh giá các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng, bảo đảm hiệu quả, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

3. Hướng dẫn thực hiện đấu thầu theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện đấu thầu theo thẩm quyền.

4. Xây dựng, trình Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng.

Điều 70. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

1. Quản lý quy hoạch xây dựng, cấp giấy phép xây dựng, quản lý xây dựng theo quy hoạch, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kịp thời các quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn trong đầu tư xây dựng cơ bản làm căn cứ kiểm tra, đánh giá thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Hướng dẫn và thực hiện thanh tra, kiểm tra công trình xây dựng, bảo đảm yêu cầu chất lượng, tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 71. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Hướng dẫn lập, thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bảo đảm bố trí, khai thác, sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kịp thời định mức, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật trong khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; xây dựng và ban hành quy chế về quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

3. Thanh tra, kiểm tra việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quản lý, sử dụng tài nguyên nước và các tài nguyên khác theo thẩm quyền quản lý.

Điều 72. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kịp thời các quy định về chế độ trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Hướng dẫn xây dựng, xét duyệt và thực hiện cơ cấu ngạch công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chế độ sử dụng phương tiện đi lại, nhà công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

3. Hướng dẫn và thực hiện việc kiểm tra, thanh tra thi hành các quy định về quản lý biên chế, quản lý ngạch công chức, viên chức và quản lý quỹ lương trong các cơ quan, tổ chức hoạt động bằng kinh phí ngân sách nhà nước.

Điều 73. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kịp thời các định mức lao động, quy định về kỷ luật lao động và thời gian lao động, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả.

2. Xây dựng, ban hành, hướng dẫn thực hiện quy chế tổ chức lao động, quy chế sử dụng lao động có tay nghề cao.

3. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật lao động, thời gian lao động trong các công ty nhà nước.

Điều 74. Trách nhiệm của Bộ Văn hoá - Thông tin

1. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kịp thời các kế hoạch, chương trình tuyên truyền, cổ động phong trào thi đua, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong nhân dân.

2. Ban hành quy chế về nghi thức lễ kỷ niệm, lễ hội, hội nghị, hội thảo.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, biểu dương người tốt, việc tốt trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đấu tranh, phê phán các hành vi gây lãng phí.

4. Thanh tra, kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 75. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp

1. Sửa đổi, bổ sung, ban hành các định mức, tiêu chuẩn, chế độ theo thẩm quyền được phân cấp và phù hợp với khả năng của ngân sách địa phương.

2. Quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương bảo đảm yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Quyết định các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương.

4. Giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở địa phương; giám sát việc thực hiện công khai các lĩnh vực quy định tại Điều 6 của Luật này tại địa phương.

Điều 76. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Xây dựng và thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm và dài hạn; quyết định theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở địa phương.

2. Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý ngân sách, quản lý đầu tư xây dựng, quản lý tài sản nhà nước; kiểm tra việc sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định về phân cấp quản lý.

3. Thực hiện công khai đối với các lĩnh vực quy định tại Điều 6 của Luật này theo thẩm quyền và theo phân cấp tại địa phương; bảo đảm việc thực hiện quyền giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của công dân và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

4. Chỉ đạo, tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá và định kỳ báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở địa phương với Hội đồng nhân dân cùng cấp tại các kỳ họp, Ủy ban nhân dân cấp trên hoặc Chính phủ. Xử lý nghiêm minh, kịp thời theo đúng thẩm quyền và thực hiện công khai việc xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có nhiệm vụ tổ chức thực hiện quy định tại Điều này và phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương.

Điều 77. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận

1. Tổ chức tuyên truyền, vận động và hướng dẫn nhân dân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng.

2. Giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước; giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng của nhân dân; giám sát việc xử lý hành vi gây lãng phí.

Điều 78. Trách nhiệm của cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân

1. Cơ quan thanh tra có trách nhiệm thanh tra, phát hiện hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan Kiểm toán Nhà nước trong việc thực hiện chức năng kiểm toán nếu phát hiện hành vi gây lãng phí thì phải kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; kết quả kiểm toán có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải được công khai.

3. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương X

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 79. *Khiếu nại, tố cáo*

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, cá nhân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Người có hành vi bao che, cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong xử lý khiếu nại, tố cáo, xử lý người vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; người có hành vi đe dọa, trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 80. *Khen thưởng*

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có sáng kiến, thành tích trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phát hiện, ngăn chặn hành vi gây lãng phí ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên thiên nhiên thì được khen thưởng. Chính phủ hướng dẫn cụ thể việc thực hiện quy định tại khoản này.

2. Cơ quan, tổ chức được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động đã thực hiện cơ chế khoán kinh phí hoạt động hoặc tự chủ tài chính thì được sử dụng số tiền tiết kiệm chi để phục vụ cho hoạt động của cơ quan, tổ chức, tăng thu nhập cho người lao động.

3. Cơ quan, tổ chức được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động không thuộc đối tượng thực hiện khoán kinh phí hoạt động hoặc tự chủ tài chính thì

được sử dụng số tiền tiết kiệm chi để phục vụ cho hoạt động của cơ quan, tổ chức và dành một phần để khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Việc sử dụng khoản tiền tiết kiệm chi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này phải được công khai tại cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật.

Điều 81. Bồi thường thiệt hại do hành vi lãng phí gây ra

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này gây lãng phí thì phải bồi thường một phần hoặc toàn bộ theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ hướng dẫn cụ thể việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 82. Hình thức xử lý kỷ luật và thẩm quyền xử lý kỷ luật

1. Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức sau đây:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Hạ bậc lương;
- d) Hạ ngạch;
- đ) Cách chức;
- e) Buộc thôi việc.

2. Thẩm quyền áp dụng hình thức xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Điều 83. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này bị xử phạt vi phạm hành chính theo các hình thức sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền;

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung bao gồm tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm.

3. Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm còn phải khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Thẩm quyền áp dụng hình thức xử lý vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 84. Truy cứu trách nhiệm hình sự

Người có hành vi vi phạm quy định của Luật này nếu có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương XI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 85. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2006.

Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 2 năm 1998 hết hiệu lực từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 86. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này./.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(Đã ký)

Nguyễn Văn An